



MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ THÀNH PHẦN DÂN TỘC SÁN CHAY (CAO LAN-SÁN CHỈ)

LÊ NGỌC THĂNG
TRẦN VĂN ÁI

Cho đến nay, tộc ng- ời Sán Chay (Cao Lan-Sán Chỉ) (sau đây xin đ- ợc gọi tắt là Sán Chay) đ- ợc xếp trong nhóm ngôn ngữ Tày – Thái, c- trú chủ yếu ở một số tỉnh miền Bắc n- ớc ta. Tuy nhiên, vấn đề xác minh thành phần tộc ng- ời nói chung và đối với dân tộc Sán Chay với hai nhóm Cao Lan, Sán Chỉ nói riêng cũng có vấn đề khiến chúng ta không thể không quan tâm. Xác minh thành phần tộc ng- ời của một quốc gia là vấn đề rất phức tạp, không giản đơn trên các ph- ơng diện nh- tiêu chí khoa học, quan điểm, mục đích và quá trình tiến hành xác minh... Việc xác minh thành phần một số tộc ng- ời ở n- ớc ta hiện nay theo nhu cầu một số nhóm địa ph- ơng là thực tế khách quan cần sự trả lời của các cơ quan khoa học và cơ quan quản lý Nhà n- ớc về lĩnh vực công tác dân tộc. Trong bài viết này, chúng tôi b- ớc đầu nêu một vài ý kiến chung quanh tộc ng- ời Sán Chay để các nhà khoa học và quản lý Nhà n- ớc về công tác dân tộc cũng nh- các ban ngành hữu quan tham khảo.

1. Trở lại vấn đề phân bố dân c□, nguồn gốc và ý thức tộc ng□ời

Theo số liệu điều tra năm 1999, dân tộc Sán Chay có 147.315 ng- ời, xếp thứ 13/54 dân tộc về dân số, chiếm tỷ trọng 0,2% dân số so với cả n- ớc và chiếm tỷ trọng khoảng 1,4% trong tổng số nhân khẩu của các dân tộc thiểu số. Tộc ng- ời này c- trú

chủ yếu tại các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh, Yên Bái..., với sự phân bố dân số tại các địa ph- ơng nh- sau:

Bảng 1: Dân số Sán Chay tại một số tỉnh

TT	Tỉnh	Dân số Sán Chay	% trong tỉnh
1	Tuyên Quang	54.095	8,0
2	Thái Nguyên	29.229	2,0
3	Bắc Giang	23.872	1,6
4	Quảng Ninh	11.766	1,1
5	Yên Bái	7.665	1,2
6	Lạng Sơn	3.980	0,5
7	Phú Thọ	2.641	0,2
8	Vĩnh Phúc	1.281	0,1
9	Bắc Kạn	1.235	0,4

Ng- ời Sán Chay th- ờng sống phân tán trên địa bàn các tỉnh, xen kẽ với ng- ời Tày, Nùng. Giữa cộng đồng tộc ng- ời này và các tộc láng giềng có mối quan hệ gần gũi, hoà đồng khá rõ nét.

Về tên gọi, đây là vấn đề đang đ- ợc quan tâm của nhiều ng- ời (chúng tôi sẽ trình bày quan điểm ở phần sau), song từ năm 1979 đến nay dân tộc Sán Chay vẫn đ- ợc hiểu là gồm có hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ. Trong *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn, cũng nh- cho đến thời thuộc Pháp, tộc ng- ời này th- ờng đ- ợc gọi là

Mán Cao Lan; còn đồng bào tự gọi là *Sán Cháy*¹. Ngoài ra còn có các tên gọi khác là *Hờn Bản*, *Sán Chỉ (Sơn Tử)*. Trong cuốn *Việt sử thông giám c-ong mục* biên soạn d-ời thời Tự Đức (1853-1888) đã ghép Cao Lan vào một trong 7 nhóm ng-ời Nùng ở Tuyên Quang lúc bấy giờ (*Sơn trang Bạch tộc, Sơn trang Hắc tộc, Sơn tử Bạch tộc, Sơn tử Hắc tộc, Đại tiểu Bản tộc, Bát tiên tộc, Cao Lan tộc*)².

Trong giới khoa học, khi nghiên cứu về ngôn ngữ Sán Chay đã từng có các ý kiến nh- sau:

Nhóm ý kiến thứ nhất cho rằng ng-ời Sán Chay là ng-ời Dao hay có nguồn gốc Dao. Đây là ý kiến của các học giả ng-ời Pháp nh- : Bonifacy, Tharaud, Révérony, Conrangy... Những tác giả này dựa vào biểu hiện của một số hiện t-ợng văn hoá (nh- y phục - ý kiến của Conrandy; hình thái nhân chủng - ý kiến của Révérony) để xếp Cao Lan - Sán Chỉ vào các nhóm Dao³. Lã Văn Lô cũng cho rằng ng-ời Cao Lan vốn là gốc Mán, nh- ng do sống lâu đời và xen kẽ với khối Tày- Nùng nên đã tiếp thu ngôn ngữ, tập quán sinh hoạt và sản xuất của ng-ời Tày - Nùng, quên hẳn tiếng mẹ đẻ của mình; chỉ còn giữ một số tín ng-ỡng, tập tục chung với ng-ời Mán...⁴

Nhóm ý kiến thứ hai, tiêu biểu là Chu Quang Trứ, đã bác bỏ nguồn gốc Dao của ng-ời Cao Lan mà cho rằng họ là cộng đồng riêng biệt có nguồn gốc, lịch sử riêng..; họ từ Quảng Đông, Quảng Tây

(Trung Quốc) di c- sang Việt Nam đã khoảng 400 năm...⁵

Nhóm ý kiến thứ ba, với một số học giả Liên Xô (cũ) và Trung Quốc, trong những năm 60,70 của thế kỷ XX cho rằng ng-ời Cao Lan - Sán Chỉ thuộc khối các tộc ng-ời nhóm ngôn ngữ Tày-Thái⁶. GS. Đặng Nghiêm Vạn thì cho rằng “Nhóm dân tộc Cao Lan - Sán Chỉ là một bộ phận trong khối cộng đồng Cháng ở Khâm Châu, Lô Châu, D-ơng Châu và Quế Châu sang Việt Nam vào nhiều thế kỷ khác nhau... Mặc dù hai bộ phận này nói hai thứ tiếng khác nhau nh- ng về mặt lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, tâm lý dân tộc đều giống nhau”⁷; A.N. Đemen Chêva và

⁵ Chu Quang Trứ : *Trở lại vấn đề nguồn gốc lịch sử ng-ời Cao Lan*, Dân tộc học, số 45-1964

⁶ Hoàng Tàng Xô : *Lịch sử và hiện trạng dân tộc Choang, Quảng Tây*. Nhân dân xuất bản xã Bắc Kinh, 1958, tr 9 (bản dịch của Hoàng Hoa Toàn).

⁷ Lã Văn Lô-Đặng Nghiêm Vạn : *Sơ l-ợc giới thiệu các nhóm dân tộc Tày-Nùng-Thái ở Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội-1968 : Theo các nguồn tài liệu lịch sử và theo ký ức, gia phả, tộc phả còn giữ lại của đồng bào Cao Lan-Sán Chỉ, có thể khái quát tình hình nhập c- vào n-ớc ta và sự phân c- trên địa bàn c- trú hiện nay nh- sau: Từ vùng Khâm Châu, Lô Châu, Phòng Thành, Tú D-ơng và Thập Đại Sơn thuộc miền Đông Nam khu tự trị dân tộc Choang (Quảng Tây, Trung Quốc) vào Quảng Ninh rồi một bộ phận di s- sang Lạng Sơn. Có bộ phận từ Quảng Ninh trực tiếp sang Bắc Giang rồi từ đó có một nhóm lên Lạng Sơn và Thái Nguyên. Từ Thái Nguyên họ đi tiếp sang Tuyên Quang và Phú Thọ; từ Phú Thọ lại có nhóm di ng-ợc lại Tuyên Quang; từ Tuyên Quang có nhóm sang Yên Bái. Trong nhóm ở Thái Nguyên cũng có bộ phận từ Điện Châu (thuộc khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc) sang; từ đó đi sang phía nam Bắc Kạn rồi đi tiếp vào Định Hoá, Thái Nguyên. Bộ phận Sán Chay ở Cao Bằng tuy tự gọi là Sán Chỉ nh- ng theo chúng tôi, các bằng chứng về ngôn ngữ và văn hoá cho thấy họ không phải là Sán Chay mà thuộc một ngành Dao.

¹ Lê Quý Đôn : *Kiến văn tiểu lục*, bản dịch, Nxb Sử học, Hà Nội-1962. tr 393.

² *Việt sử thông giám c-ong mục*, Tập 18, Nxb Văn Sử Địa, Năm 1960, tr 64.

³ Theo Nguyễn Nam Tiến : *Về nguồn gốc và quá trình di c- của ng-ời Cao Lan-Sán Chỉ*. Thông báo Dân tộc học, số 1-1973

⁴ Lã Văn Lô : *Tìm hiểu nguồn gốc lịch sử ng-ời Cao Lan*. Nghiên cứu Lịch sử, số 55-1963

Leskinen khẳng định: Ng-ời Cao Lan – Sán Chỉ không phải là một nhóm Dao nh- ng- ời ta vẫn t- ờng mà là thuộc ngành Tày... Theo Hoàng Hoa Toàn thì ở Trung Quốc, ng- ời Cao Lan có tên gọi là *Phén* (ví dụ *Phén Cao Lan*) phân c- rộng rãi ở các vùng Vũ Minh (Quảng Tây) và Khâm Châu, Phòng Thành (thuộc Quảng Đông) đ- ợc ghép vào cộng đồng ng- ời Choang (hay Choang - Đông) thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái⁸... Trong bài *Về nguồn gốc và quá trình di c- của ng- ời Cao lan - Sán Chỉ*, Nguyễn Nam Tiến đã so sánh văn hoá của dân tộc Sán Chay với văn hoá của các dân tộc Tày, Nùng có những đặc tr- ng giống nhau hoặc gần giống nhau và khác xa với văn hoá Dao và Hán⁹...

Chúng tôi điếm lại các ý kiến trên đây về nguồn gốc để một lần nữa khẳng định yếu tố văn hoá Tày - Thái của cộng đồng Sán Chay là chủ đạo và ngôn ngữ của họ thuộc về nhóm ngôn ngữ Tày - Thái nh- đã công bố, khác xa với các nhóm Dao và Hán. Đây là luận cứ quan trọng để phân tích các yếu tố tiêu chí tộc ng- ời của hai nhóm địa ph- ơng Cao Lan và Sán Chỉ.

Theo chúng tôi, khi nghiên cứu về cộng đồng Sán Chay ở các tỉnh miền núi và trung du miền Bắc n- ớc ta, có thể tạm chia ra ba vùng:

- *Vùng I, ng- ời Sán Chay ở Cao Bằng*: Năm 2003 khi chúng tôi đến xã Th- ợng Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng và một số xã trong tỉnh có nhóm Sán Chỉ, thấy rằng văn hoá vật thể và phi vật thể của họ không giống nhóm Sán Chỉ ở địa ph- ơng khác mà gần với văn hoá Dao hơn.

- *Vùng II, ng- ời Sán Chay ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ và Yên Bái*: Các tài liệu đã công bố cho thấy đây là nhóm di c- từ vùng Tây Nam tỉnh Quảng Đông tới. Về tôn giáo,

ng- ời Sán Chay ở vùng này đều thể hiện khá rõ ảnh h- ờng của Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo và về tín ng- ờng cùng thờ chung một vị thần nh- : *Thần chăn nuôi, bà Mụ (Mẻ va)*... Ng- ời Sán Chay ở Thái Nguyên và Tuyên Quang còn dùng chung một bộ *tranh thờ, bộ sách cúng* trong các nghi lễ tín ng- ờng tôn giáo, đặc biệt là ngôi nhà táng – nhà xe (*ọc xế*). Bên cạnh đó, nhiều nét văn hoá vật chất rất gần gũi nhau nh- nhà ở, trang phục. Nhìn chung, ng- ời Sán Chay trong khu vực thuộc các tỉnh nêu trên đều ở nhà sàn; mặt bằng sinh hoạt, nơi thờ cúng trong nhà cơ bản giống nhau... Trang phục của hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ không hoàn toàn giống nhau. Đây là hiện t- ợng rất phổ biến trong các nhóm địa ph- ơng của nhiều tộc ng- ời nh- Thái, Dao, Hmông... Song đối với ng- ời Sán Chay ở khu vực này, có lẽ trang phục tr- ớc đây của họ cũng giống nhau. Các cụ già ở Tuyên Quang cho biết tr- ớc đây trang phục lễ hội của họ là loại *pù dẫn dinh* hay *piệc tiếp sam*, một loại trang phục mà hiện nay ng- ời Sán Chỉ ở Thái Nguyên đang sử dụng. Hiện nay, ng- ời Sán Chay các địa ph- ơng thuộc khu vực này còn ý thức rất rõ về 2 loại trang phục đó, còn trang phục *áo đổi vật* mà nhóm Cao Lan đang sử dụng là loại áo mặc th- ờng nhật phổ biến tr- ớc đây của ng- ời Sán Chay... Các phong tục, tập quán trong hôn nhân, sinh đẻ, tang ma ở hai nhóm địa ph- ơng của ng- ời Sán Chay thuộc địa bàn trên về cơ bản cũng giống nhau. Tr- ớc đây, ng- ời Sán Chay ở Thái Nguyên vẫn lấy vợ, lấy chồng với ng- ời Sán Chay Tuyên Quang... Về dòng họ, ng- ời Sán Chay tại các tỉnh trên có các họ, chi họ và các kiêng kỵ của các họ cũng rất giống nhau. Ở đây có các họ lớn, nh- *Hoàng, Vi, Chu, Trần, La, Lý, Ninh, L- ơng, Hầu, Lâm, Âu*... Văn nghệ dân gian có hát ru,

⁸ Hoàng Tàng Xô : *Tài liệu đã dẫn*.

⁹ Nguyễn Nam Tiến : *Tài liệu đã dẫn*

hát sinh ca, múa. Tr- ớc đây, cả ng- ời Cao Lan và Sán Chỉ th- ờng giao l- u với nhau qua hát *sinh ca* trong dịp lễ hội, lúc nông nhàn...

Về ý thức tự giác tộc ng- ời, trong quá trình tiếp xúc với ng- ời dân các tỉnh thuộc vùng II trên đây, khi chúng tôi đ- a ra câu hỏi: Cao Lan, Sán Chỉ là một hay hai dân tộc thì đồng bào cho rằng là không rõ và cũng ch- a khẳng định đ- ợc. Khi hỏi ng- ời Cao Lan biết gì về ng- ời Sán Chỉ và ng- ợc lại thì họ đều cho rằng, cả hai nhóm đều có sự gần gũi thân thiện, không có sự phân biệt Cao Lan hay Sán Chỉ.

- *Vùng III, ng- ời Sán Chay ở Bắc Giang, Quảng Ninh, Lạng Sơn*: Kết quả khảo sát tại các xã Hoàn Bồ, huyện Bình Liêu (năm 1997) và xã Đông Hả, huyện Tiên Yên (năm 2003) của tỉnh Quảng Ninh; huyện Lộc Bình (năm 1998) của tỉnh Lạng Sơn; xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn (năm 2000, 2003) và xã Yên Định, huyện Sơn Động (năm 2003) của tỉnh Bắc Giang cho thấy, nếu so sánh với vùng II, ng- ời Sán Chay ở vùng này cũng có vấn đề về *nguồn gốc*. Giống nh- các tỉnh vùng II, ng- ời Sán Chay ở vùng này đều di c- vào Việt Nam từ vùng Tây Nam tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc (tức Đông Nam khu Tự trị Choang, Quảng Tây). Về *tôn giáo, tín ng- ỡng*, ng- ời Sán Chay vùng III cũng chịu ảnh h- ưởng của Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo nh- vùng II... Về *nhà ở*, tr- ớc đây họ ở nhà sàn nh- vùng Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh, Sơn Động tỉnh Bắc Giang, nh- ng hiện nay đều ở nhà trình t- ờng, nhà xây; mặt bằng sinh hoạt và nơi thờ cúng trong nhà không còn đặc tr- ng nh- ở vùng II. Về *trang phục*, nhóm Sán Chỉ vùng này hiện nay mặc gần giống nh- ng- ời Tày; nhóm Cao Lan mặc giống

ng- ời Kinh. Tuy nhiên, các cụ cho biết tr- ớc đây họ mặc giống nh- ng- ời Sán Chay ở vùng II¹⁰. Về *dòng họ*, qua nghiên cứu cho thấy tên họ, chi họ và những kiêng kỵ của các chi họ lớn (Hoàng, Vi, Trần, La, Lý, Ninh, L- ơng, Hầu, Âu, Lâm...) của ng- ời Sán Chay ở các tỉnh thuộc vùng III cơ bản cũng giống vùng II. Tuy nhiên, ở Sơn Động tỉnh Bắc Giang, ngoài các họ trên còn có các họ khác nh- *Mễ, Đàm, Ban, Tống...* Ở bộ phận Sán Chỉ tại Tiên Yên và Bình Liêu tỉnh Quảng Ninh, tên họ nghe có vẻ khác với ng- ời Sán Chay ở vùng II nh- ng thực chất là giống nhau bởi đồng bào khai tên họ theo cách phát âm của tiếng Sán Chỉ. Chẳng hạn nh- họ *Sần, Lý, Lộc, Nềnh* - thực ra là họ *Trần, Lý, Lục, Ninh (Ninh)*; còn tên các họ khác đều giống họ Sán Chay thuộc các tỉnh vùng II... Trong sinh hoạt *văn nghệ dân gian*, ng- ời Cao Lan, Sán Chỉ vùng III đều biết hát *sinh ca, sếnh ca, song co* – một loại hình dân ca đặc sắc của ng- ời Sán Chay. Tuy nhiên, ở vùng Sơn Động tỉnh Bắc Giang, họ hát bằng tiếng Cao Lan, còn các vùng khác hát bằng tiếng Sán Chỉ.

Về ý thức tự giác tộc ng- ời, ở Bắc Giang và Quảng Ninh, khi tiếp xúc và thăm dò ý kiến, đồng bào cho rằng Cao Lan và Sán Chỉ là hai dân tộc, không thể ghép chung vào nhau.¹¹

¹⁰ Hiện nay ở Sơn Động, đồng bào vẫn còn giữ đ- ợc một số bộ trang phục đối vật và bộ trang phục uyên - ơng (*pù dân đình / piệc tiệp sam*). Loại trang phục này hiện đang đ- ợc tr- ng bày trong Bảo tàng tỉnh Bắc Giang.

¹¹ Theo ông Mễ C- ờng Phúc, 68 tuổi, thuộc nhóm Cao Lan ở Khe Tấu, xã Yên Định huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang, thì không nên ghép hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ vào dân tộc Sán Chay vì tiếng nói của hai nhóm khác nhau.

2. Vài nét về ngôn ngữ

Nh- chúng ta đều biết, ngôn ngữ là tiêu chí quan trọng để xác minh thành phần tộc ng- òi. Tuy nhiên, ngôn ngữ cũng là một hiện t- ợng văn hoá nên có sự tiếp xúc, tiếp biến, biến đổi trong quá trình vận động của các tộc ng- òi. Có những tộc ng- òi với nhiều nhóm địa ph- ơng có những biểu hiện văn hoá đa dạng và phong phú; nh- ng vì lý do nào đó, trong quá trình tiếp xúc với nền văn hoá khác, vẫn giữ đ- ợc ngôn ngữ gốc. Song, có những tộc ng- òi, hoàn cảnh lịch sử đã có ảnh h- ớng không nhỏ đến sự ổn định và phát triển, đến văn hoá và ngôn ngữ của họ, làm cho các yếu tố văn hoá gốc và ngôn ngữ gốc bị biến dạng. Do vậy, nếu không nghiên cứu khách quan thì sẽ có kết luận không chính xác.

Đến nay, các nhà ngôn ngữ học đều cho rằng ngôn ngữ của nhóm Cao Lan thuộc hệ ngôn ngữ Tày - Thái; ngôn ngữ Sán Chỉ thuộc nhóm ph- ơng ngữ Hán Quảng Đông. Tuy nhiên, ng- òi ta cũng còn thấy ng- òi Cao Lan khi làm thơ hay hát sinh ca đều dùng thổ ngữ Hán Quảng Đông. Bảng so sánh một số từ vị cơ bản d- ối đây cho thấy điều đó:

Bảng 2: Một số từ vị cơ bản của các nhóm Cao Lan, Sán Chỉ trong so sánh với các tộc ng- òi khác

TT	Tiếng Kinh	Tiếng Tày	Tiếng Cao Lan	Tiếng Sán Chay
1	Một	Nờn	Dặt	Dặt
2	Hai	Sloong	Soong	Liảng
3	Ba	Slam	Slam	Slam
4	Bốn	Sí	Slọc	Sláy
5	Năm	Hả	Há	Ngủ
6	Sáu	Hốc	Lộc	Lộc

7	Bảy	Chát	Chêêt	Sặt
8	Tám	Pét	Pet	Pạt
9	Chín	Cốu	Cáu	Cau
10	M- òi	Slíp	Sập	Sập
11	Trời	Phạ	Bôn	Co thin
12	Mặt trời	Tha vản	Thác nghến	Nhật tàu
13	Mặt trăng	Hai	Hai pá	Nhựt lêng
14	Ngôi sao	Đao đí	Đao đọi	Slênh
15	Đất	Tâm	Tụm	Nại
16	N- ớc	Nặm	Num	Sủi

Theo một số nhà ngôn ngữ học Liên Xô (cũ), nh- S.A. Aruchiunốp và S.I.Mukholinốp, ngôn ngữ Sán Chỉ có thể xác định với đầy đủ cơ sở là thuộc cơ tầng cổ nhất trong sự góp phần hình thành ngôn ngữ Tày, hơn thế nữa là tiếng Tày cổ¹². Nh- vậy, ngôn ngữ ban đầu của hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ là thuộc ngôn ngữ Tày - Thái. Về sau, bộ phận sống gần gũi và lâu đời với tộc ng- òi Hán ngày càng mai một ngôn ngữ gốc và tiếp thu sâu sắc ngôn ngữ Hán - đó là nhóm Sán Chỉ. Đây là hiện t- ợng bình th- ờng trong sự phát triển và giao thoa văn hoá của các tộc ng- òi trong lịch sử. Tiếng Kinh (tiếng Việt cổ) với lớp từ Hán cũng là một ví dụ.

Tại vùng II, các cụ già từ 50 tuổi trở lên hầu nh- đều hiểu đ- ợc hai thứ tiếng Cao Lan và Sán Chỉ. Nh- ng hiện nay ở một số địa ph- ơng nh- Yên Bái, Lập Thạch (Vĩnh Phúc), Hàm Yên, Yên Sơn và phía nam huyện Sơn D- ơng (Tuyên Quang), lớp trẻ

¹² Chú thích trích dẫn: S.A. Aruchiunốp, S.I.Mukholinốp : *Tài liệu về phân loại ngôn ngữ các dân tộc Việt Nam*. Dân tộc học Xô Viết, số 1-1961 (dẫn theo Hoàng Hoa Toàn trong *Văn hoá Sán Chay ở Việt Nam*, Đề tài cấp Bộ -2004)

hầu nh- không còn biết tiếng Sán Chỉ. Trong khi đó, lớp ng- ời trung niên trở lên của nhóm Cao Lan ở phía bắc huyện Sơn D- ơng và ng- ời Sán Chay ở tỉnh Thái Nguyên vẫn sử dụng đ- ọc hai thứ tiếng: trong giao tiếp hàng ngày họ dùng tiếng Cao Lan, trong cúng bái, hát sinh ca họ dùng tiếng Sán Chỉ. Trên địa bàn vùng III hiện nay, có sự phân biệt khá rõ tiếng Cao Lan và tiếng Sán Chỉ. □ Sơn Động tỉnh Bắc Giang, đồng bào nói tiếng Cao Lan, còn ở các nơi khác nh- huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang và các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn thì đồng bào nói tiếng Sán Chỉ nh- ng phát âm nghe nặng hơn vùng II. Tại hai huyện Tiên Yên và Bình Liêu của tỉnh Quảng Ninh, khoảng 20 - 30 năm về tr- ớc, lớp ng- ời Sán Chỉ có tuổi ở đây còn biết nói tiếng Cao Lan. Dòng họ Ninh ở Đại Dực Động (thuộc huyện Tiên Yên, Quảng Ninh) chiếm 43% số hộ ng- ời Sán Chỉ toàn xã, cách đây không lâu nhiều ng- ời còn biết cả hai thứ tiếng. Tại một số địa bàn của ng- ời Sán Chỉ ở huyện Sơn Động (tỉnh Bắc Giang) lại cho thấy trong một số nghi lễ, đám c- ới, đám chay, cúng bái... họ vẫn dùng tiếng Cao Lan, mặc dù sau này họ không biết hết nghĩa.

3. Vài nét về mối quan hệ của hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ

Hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ trong lịch sử và hiện tại có mối quan hệ nguồn gốc lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ. Trên nhiều bình diện khác nhau, chúng ta có thể nhận thấy mối quan hệ đó biểu hiện một cách sinh động.

Về tên gọi, nhóm Cao Lan có các tên: *Hờn Bản* (ng- ời ở bản), *Sín* hay *Sín Nhân* (ng- ời ở thôn bản), *Phén* (bên kia biên giới Trung Quốc th- ờng đ- ọc gọi là Phén Cao Lan). Đồng bào tự gọi cộng đồng của mình là *Sán Chấy*. Với nhóm Sán Chỉ, tuy

theo cách phát âm của từng địa ph- ơng mà có các cách gọi là: *Sán Chay*, *Sán Chóí*, *Sán Chấy*, *Sán Chỉ*... Nh- vậy, cả hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ đều tự gọi mình là **Sán Chấy**, viết và đọc theo âm Hán- Việt là *Sơn Tử* (nghĩa là ng- ời ở rừng).

Cả hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ về cơ bản đều sinh sống ở vùng núi thấp, với loại hình kinh tế chủ yếu là trồng lúa n- ớc. Công cụ, ph- ơng thức canh tác... của cả hai nhóm đều đạt trình độ khá cao, không kém gì các tộc ng- ời láng giềng nh- Tày, Kinh, Hoa. □ vùng không có điều kiện canh tác ruộng n- ớc, ng- ời Cao Lan và Sán Chỉ đều thành thạo canh tác n- ơng rẫy. Kỹ thuật “đào canh hoả chủng”, “ngả cây ăn ngọn”... cũng nh- nhiều kỹ thuật làm n- ơng khác cũng đạt trình độ cao, không thua kém gì các tộc ng- ời canh tác n- ơng rẫy ở miền núi n- ớc ta. Tuy nhiên, ở hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ đều có nghi lễ giống nhau và nghi lễ này là nét đặc tr- ơng khác với nhiều tộc ng- ời khác, đó là *lễ dựng bồ thóc trên n- ơng rẫy*. Có thể đây là bằng chứng x- a nhất và ít biến đổi nhất minh chứng cho nguồn gốc chung của hai nhóm Sán Chỉ và Cao Lan¹³.

¹³. Nghi lễ diễn ra nh- sau: Buổi sáng khi tra hạt trên n- ơng, tr- ớc tiên chủ nhà chọn một gốc cây ở chỗ t- ơng đối phẳng ở giữa n- ơng, lấy 4 mảnh nứa cắm 4 góc rồi vít đầu 3 mảnh nứa xuống đất thành hình vòng cung, vây lấy gốc cây đã chọn. (Mảnh nứa thứ 4 chỉ đ- ọc vít xuống sau khi đã tra hạt xong). Hình hài của các mảnh nứa đ- ọc vít, theo quan niệm của đồng bào là t- ơng tr- ơng cho *bồ thóc* (tiếng Cao Lan là *sang hấu*). Tiếp đó, chủ nhà tra bảy hốc lúa trong *sang hấu* rồi đặt ống n- ớc vào gốc cây và cắm một nhánh lau vào giữa. Xong nghi lễ này, việc tra n- ơng mới bắt đầu. Tra n- ơng xong, chủ n- ơng khẩn làm phép rồi cắm đầu của mảnh nứa còn lại xuống đất, gọi là “đóng bồ thóc”.

Làng bản của ng-ời Cao Lan và Sán Chỉ đều c- trú theo lối mật tập, bản nhiều có đến vài ba chục nhà, không khác gì làng bản của ng-ời Tày, Nùng. Loại nhà truyền thống của họ đều là nhà sàn. Nét đặc tr- ng ngôi nhà của cả hai nhóm này là mái rất dốc, chân mái th- ờng sát với sàn nhà và sân phơi đến nỗi ng-ời ngồi trong nhà khó có thể quan sát đ- ọc xung quanh nhà. Trong nhà ít ngăn buồng, trừ những nhà có con dâu hay con gái lớn ch- a gả chồng. Cạnh cột chính ở cửa ra vào bao giờ cũng có chậu hay thùng đựng cá m đ- ọc coi là chỗ linh thiêng của ngôi nhà - đây cũng là nơi đặt bàn thờ thần trông nom gia súc của gia đình. Một trong hai góc nhà phía trong có một buồng nhỏ là nơi đặt bàn thờ h- ơng hoá (Nam Hoa, Ngọc Hoàng hay Táo Quân). Góc đối diện có một sập cao dành cho chủ nhà và là nơi tiếp khách... Ngày nay, tuy nhà cửa của ng-ời Cao Lan và Sán Chỉ có nhiều biến đổi theo thời cuộc nh- ng chỗ thờ thần trông nom gia súc và thờ h- ơng hoá vẫn không thay đổi...

Cách đây vài chục năm, phụ nữ Cao Lan và Sán Chỉ th- ờng mặc áo dài tứ thân và váy mầu chàm. Cổ và l- ng áo có thêu hoa văn, hai góc ở vạt sau th- ờng có nẹp một miếng vải vuông nhỏ mầu trắng gọi là *pù dăm dinh* (áo yên - ơng).

Trong các nghi lễ c- ới xin, sinh đẻ, ma chay ng-ời Cao Lan và Sán Chỉ có nhiều nét t- ơng đồng sâu sắc. Tập tục lâu đời quy định những ng-ời cùng một họ thì không đ- ợc lấy nhau¹⁴. Và còn nhiều nghi

¹⁴. Ví dụ họ Hoàng có Hoàng Một, Hoàng Hai, Hoàng Ba, Hoàng Bốn, Hoàng Năm. Ng-ời cùng Hoàng Năm không thể lấy nhau, mà chỉ đ- ợc lấy Hoàng Ba... Một số tập tục trong hôn nhân của hai nhóm cũng giống nhau: Khi cô dâu về nhà chồng thì chị gái quàng 3 vuông vải lên vai rồi công em gái ra cửa. Nhà trai đi đón dâu đều đ- ợc thầy cúng phù phép hộ mệnh. Về đến nhà trai, sau khi làm lễ nhập họ cô dâu, chú rể uống một hớp r- ợu trong chén có đôi nhãn (nghi lễ này gọi là *lễ tơ hồng*).

thức trong lễ c- ới của hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ rất giống nhau nh- nghi thức trên đ- ờng đi của *pa chíp* (phù dâu), *bá mẹ* (bà đón dâu)... Nghi lễ trong *tang ma* của hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ có nhiều nét t- ơng đồng, nh- trong các nghi lễ khâm liệm, mua nhà táng, rót r- ợu mời vong linh tr- ớc khi thầy cúng đọc bài *Đại biệt từ linh*, làm lễ *xim xi* (lễ điểm chỉ vào các tờ số cho vong hồn ng-ời chết mang theo trên đ- ờng về với tổ tiên...). Khi hành lễ, cả hai nhóm đều sử dụng chung một loại sách cúng và cùng sử dụng chung ngôn ngữ Sán Chỉ trong cúng bái... Trong *sinh đẻ*, thời gian ở cũ là 42 ngày và trong những ngày này, ng-ời ta th- ờng treo cành lá xanh hoặc mẩu củi cháy dở ở cửa ra vào để báo cho ng-ời ngoài biết. Nếu khách không biết, đã lên nhà thì ng-ời trong nhà mang chén n- ớc đến yêu cầu khách nhúng ngón tay hay góc áo vào chén n- ớc rồi dùng n- ớc đó xoa vào đũa trẻ để tránh sài đen và quấy khóc...

Tr- ớc đây, quan hệ hôn nhân của nhóm Cao Lan và Sán Chỉ với các tộc ng-ời khác rất hiếm, nh- ng giữa hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ thì lại rất phổ biến. Đây là một trong những bằng chứng quan trọng về sự gần gũi nguồn gốc lịch sử và văn hoá.

Trong sinh hoạt văn nghệ dân gian, chúng ta thấy cả hai nhóm đều có chung một loại *sinh ca* - lối hát đối đáp, giao duyên của thanh niên nam nữ trong các dịp lễ hội. Bộ sách ghi lại lời hát bằng tiếng Hán, nh- ng khi hát thì th- ờng hát bằng tiếng Sán Chỉ.

4. Lời kết

Qua các cứ liệu trình bày trên đây cho thấy, việc xác minh lại tên gọi dân tộc Sán Chay (Cao Lan - Sán Chỉ) là một vấn đề không chỉ có ý nghĩa về khoa học mà còn

có ý nghĩa về mặt chính trị, xã hội. Ở đây, cần quán triệt hai quan điểm: 1) Quan điểm khoa học, khách quan; 2) Quan điểm đoàn kết phát triển của các dân tộc trong cộng đồng quốc gia Việt Nam. Xác minh thành phần tộc ng- ời ở n- óc ta là một vấn đề có tính đặc thù. Bởi vì, quá trình phát triển của các tộc ng- ời không phải là một hiện t- ợng đơn tuyến mà là đa tuyến, với sự tác động qua lại về lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ, tập quán của các tộc ng- ời trong phạm vi quốc gia và với các quốc gia láng giềng; với mức độ và c- ờng độ ảnh h- ớng về văn hoá rất phong phú đa dạng; với sự thích ứng và “đề kháng” của các bản lĩnh, bản sắc văn hoá của các tộc ng- ời rất khác nhau. Việc bóc tách các yếu tố văn hoá gốc của một số tộc ng- ời hay nhóm địa ph- ơng của các dân tộc hiện nay ở n- óc ta là một vấn đề không kém phần phức tạp. Hai nhóm địa ph- ơng Sán Chỉ và Cao Lan của dân tộc Sán Chay là một tr- ờng hợp nh- vậy. Tuy nhiên, với các luận cứ nêu trên về lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ và ý thức... chúng tôi cho rằng, hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ vốn có nguồn gốc từ một tộc ng- ời. Trong quá trình phát triển, một bộ phận về cơ bản vẫn nằm trong cái “nôi” ngôn ngữ Tày - Thái (nhóm Cao Lan), nên về ngôn ngữ và các yếu tố văn hoá khác vẫn bảo l- u đ- ợc nhiều hơn yếu tố tộc ng- ời; một nhánh khác với các lý do chủ quan và khách quan đã có sự tiếp xúc và ảnh h- ớng nhất định của văn

hoá Hán với “c- ờng độ” mạnh nên có phần biến đổi nhiều (nhóm Sán Chỉ), mà chủ yếu là về ngôn ngữ. Tuy nhiên, các biểu hiện khác về văn hoá vật thể, phi vật thể, nhất là trong tín ng- ỡng và một số tập tục trong hôn nhân, ma chay, văn nghệ dân gian... đều là những bằng chứng sinh động khó chối cãi họ là một tộc ng- ời.

Do vậy, theo thiên ý của chúng tôi, các kết quả khoa học về xác minh thành phần tộc ng- ời đã công bố năm 1979 về dân tộc Sán Chay (Cao Lan - Sán Chỉ) là không có gì thay đổi. Những tiêu chí về xác minh thành phần tộc ng- ời với những phân tích khoa học về nguồn gốc lịch sử, sự di c- vào Việt Nam và quá trình tiếp xúc với các nền văn hoá lớn đã làm biến đổi một phần quan trọng các yếu tố văn hoá gốc, song về cơ bản hai nhóm vẫn có những bằng chứng về mối quan hệ sâu sắc, t- ợng đồng trên nhiều ph- ơng diện. Đó là căn cứ khách quan để chúng ta xem xét kết luận. Một vài ý kiến của cá nhân hay tập thể của các thành viên trong cộng đồng tộc ng- ời thuộc nhóm địa ph- ơng này hay nhóm địa ph- ơng kia là những nguyện vọng chính đáng rất cần đ- ợc xem xét; song cũng cần l- u ý rằng đó ch- a phải là ý kiến khoa học toàn diện có luận cứ khách quan đủ sức thuyết phục để kết luận. □ kiến trên đây chỉ là một số suy nghĩ b- óc đầu, chúng tôi xin đ- ợc bày tỏ trong bài báo này để bạn đọc tham khảo.